

BẢN SAO



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

ĐÃ THU PHÍ

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....*es*.....Quyển số.....*ex*.....SCT/BS



Ngày 14 - 08 - 15

CHỦ TỊCH
Phạm Thanh Long

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 37

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 5 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600275107 (số cũ 4704000043), đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 05 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 367.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 367.000.000.000 VND

Theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, phần vốn Nhà nước trong Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa được chuyển giao cho Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai quản lý theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : (061) 3 859 358
Fax : (061) 3 859 917
E-mail : congtybbcc@gmail.com
Website : www.bbcc.com.vn
Mã số thuế : 3600275107

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp khai thác đá	Áp Bình Hóa, xã Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang	Áp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác cát	Áp Bình Hóa, xã Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trung tâm dịch vụ xây dựng và vật liệu xây dựng	Số 1, Nguyễn Văn Trỗi, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp công trình giao thông và xây dựng	KP4, tỉnh lộ 16, phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp kỹ thuật sửa chữa	Áp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp khai thác đá Soklu	Xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp vận tải cơ giới	Áp Tân Bản, phường Bửu Hòa TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dụng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển); và
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 37).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

	Số tiền (VND)
Trích quỹ khen thưởng	7.474.094.698
Trích quỹ phúc lợi	3.737.047.349
Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp	228.317.666

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Hoàng Ân	Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2009	30 tháng 8 năm 2013
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Phụ trách HĐQT	30 tháng 8 năm 2013	-
Ông Hồ Ngọc Liệp	Phó Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2009	-
Ông Hứa Hồ Điệp	Thành viên	31 tháng 12 năm 2009	-
Ông Đàm Nhân Lý	Thành viên	31 tháng 12 năm 2009	-
Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên	31 tháng 12 năm 2009	-

300449
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN VÀ
A &
H.T.PH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Hoàng Ân	Giám đốc	31 tháng 12 năm 2009	01 tháng 9 năm 2013
Ông Huỳnh Kim Vũ	Kế toán trưởng	09 tháng 7 năm 2010	01 tháng 9 năm 2013
	Giám đốc	01 tháng 9 năm 2013	-
Ông Hồ Ngọc Lập	Phó Giám đốc	09 tháng 7 năm 2010	-
Ông Hứa Hồ Điệp	Phó Giám đốc	09 tháng 7 năm 2010	-
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	01 tháng 10 năm 2013	-
Ông Phạm Quốc Thái	Quyền Kế toán trưởng	01 tháng 9 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

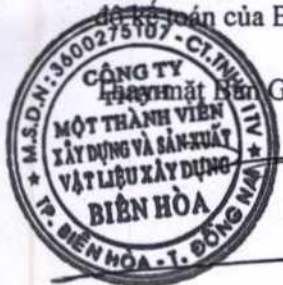
Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Giám đốc, *[Signature]*

Huyền Kim Vũ
Giám đốc

Ngày 29 tháng 5 năm 2014

H N H



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0566/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU
XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa, được lập ngày 08 tháng 5 năm 2014, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

M.S.P.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Trong năm 2012 Công ty đã trích bổ sung tiền thuê đất phải nộp của năm 2011 với số tiền là 4.362.920.483 VND và ghi nhận vào chi phí trong năm mà không điều chỉnh hồi tố. Ngoài ra, Công ty vẫn chưa trích đầy đủ tiền thuê đất phải nộp bổ sung của năm 2011 theo đơn giá qui định tại Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010. Theo ước tính của chúng tôi, tiền thuê đất cần phải ghi nhận bổ sung ước tính khoảng 960.000.000 VND. Nếu Công ty hạch toán đầy đủ và đúng niên độ tiền thuê đất phải nộp của năm 2011 thì lợi nhuận trước thuế của năm 2012 sẽ tăng lên với số tiền là 4.362.920.483 VND.
- Như đã trình bày ở thuyết minh số VII.6 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã tiến hành kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 7 năm 2011 theo Quyết định số 4722/UBND-KT ngày 13 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Kết quả kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn đã được hạch toán vào sổ sách kế toán theo Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 7 năm 2011 với khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại là 40.054.340.803 VND. Theo chúng tôi, việc ghi nhận này là chưa phù hợp với qui định tại khoản 2 điều 4 Thông tư 87/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính vì kết quả kiểm kê chưa được Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính Phủ đưa ra hướng dẫn xử lý.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Phạm Đình Dương - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1834-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2014

J. N. 02
C
TRÁCI
KIỂM
T. V. BÌNH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.155.684.320	302.642.981.371
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.223.518.835	22.905.479.614
1. Tiền	111		35.223.518.835	22.905.479.614
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		22.752.404.494	22.669.469.655
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	24.306.478.625	24.211.861.375
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	4.211.562.073	4.428.685.291
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	1.368.300.376	1.190.673.433
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(7.133.936.580)	(7.161.750.444)
IV. Hàng tồn kho	140		164.256.067.255	240.739.811.830
1. Hàng tồn kho	141	V.6	168.225.808.022	252.111.126.400
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(3.969.740.767)	(11.371.314.570)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.923.693.736	16.328.220.272
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.033.420.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.955.360.300	1.541.782.919
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.18	1.815.033.436	149.558.152
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	153.300.000	13.603.459.201

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		401.686.939.200	390.442.724.280
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		184.535.856.217	196.043.555.148
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	182.117.420.391	195.765.150.838
<i>Nguyên giá</i>	222		465.725.541.342	486.963.061.555
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(283.608.120.951)	(291.197.910.717)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	4.080.654.562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	(4.080.654.562)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.418.435.826	278.404.310
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.010.500.000	20.010.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	20.010.500.000	20.010.500.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		197.140.582.983	174.388.669.132
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	179.082.094.367	174.348.669.132
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	18.058.488.616	40.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		627.842.623.520	693.085.705.651

15-c
TY
HỮU
TƯ V
C
50%

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		183.000.407.885	243.552.891.583
I. Nợ ngắn hạn	310		179.704.062.575	215.506.807.123
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	82.065.118.537	128.195.086.554
2. Phải trả người bán	312	V.16	27.718.044.198	22.712.399.281
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	7.274.442.968	4.796.896.789
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	10.305.125.382	11.931.442.342
5. Phải trả người lao động	315	V.19	11.772.296.849	6.674.273.074
6. Chi phí phải trả	316	V.20	967.496.209	912.777.777
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	5.077.746.758	151.747.158
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	34.523.791.674	40.132.184.148
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.296.345.310	28.046.084.460
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	3.296.345.310	28.046.084.460
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		444.842.215.635	449.532.814.068
I. Vốn chủ sở hữu	410		444.842.215.635	449.532.814.068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	367.000.000.000	366.254.550.009
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	V.24	35.363.742.370	40.054.340.803
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	42.478.473.265	43.223.923.256
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		627.842.623.520	693.085.705.651

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.405.235.355	1.405.235.355
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng



ngày 08 tháng 5 năm 2014

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	522.947.400.498	570.100.036.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	121.374.627	80.614.476
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	522.826.025.871	570.019.422.280
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	452.181.138.168	524.019.129.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.644.887.703	46.000.293.151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.446.931.054	793.502.716
7. Chi phí tài chính	22		12.151.374.693	24.569.686.913
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.151.374.693	24.569.686.913
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	7.842.997.272	8.555.243.238
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	41.813.134.759	19.976.689.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.284.312.033	(6.307.824.005)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9.443.162.105	11.874.422.077
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.472.194.521	1.238.327.423
13. Lợi nhuận khác	40		3.970.967.584	10.636.094.654
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.255.279.617	4.328.270.649
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	3.815.819.904	1.719.045.260
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.439.459.713</u>	<u>2.609.225.389</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



ngày 08 tháng 5 năm 2014

Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.255.279.617	4.328.270.649
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	15.486.072.550	21.431.871.380
- Các khoản dự phòng	03	V.5,V.7	(7.429.387.667)	7.798.275.588
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.6,VI.7	(4.239.888.620)	53.692.844
- Chi phí lãi vay	06		12.151.374.693	24.569.686.913
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.223.450.573	58.181.797.374
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.933.162.740)	(6.956.841.381)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		84.672.075.977	98.833.527.469
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.304.218.439	(64.171.582.027)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.768.132.961)	(17.384.944)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13.064.152.470)	(23.656.909.136)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(2.353.327.219)	(10.703.174.959)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		352.162.961	727.410.667
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(22.584.819.656)	(10.944.857.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84.848.312.904	41.291.985.163
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,V.11	(8.854.444.698)	(360.720.368)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6,VI.7	5.179.028.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.024.850.000	45.850.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.650.566.516)	(314.870.368)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15,V.23	30.332.760.715	210.719.580.236
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15,V.23	(101.212.467.882)	(254.905.435.877)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(70.879.707.167)	(44.185.855.641)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.318.039.221	(3.208.740.846)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.905.479.614	26.114.220.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	35.223.518.835	22.905.479.614

[Handwritten signature]

Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng



ngày 08 tháng 5 năm 2014

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

15-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VỊ
C
CH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2013**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên Nhà Nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất sang lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; Sản xuất bê tông nhựa nóng.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 782 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 960 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

IN-03
RÁC
GIẾM
V BIA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đền bù, thăm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho việc khai thác, mở rộng mỏ đá được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế trong năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Tối thiểu 30% lợi nhuận được phân phối	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo kết quả phân loại doanh nghiệp	Không quá 03 tháng lương thực hiện.
• Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức quản lý	Theo kết quả phân loại doanh nghiệp	Không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

315.
TY
HỮU
À TỬ
C
HỒ C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	851.456.974	3.112.335.656
Tiền gửi ngân hàng	34.372.061.861	19.793.143.958
Cộng	35.223.518.835	22.905.479.614

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng mua đá	19.727.280.312	16.348.548.596
Các khách hàng mua bê tông nhựa nóng	-	444.145.184
Các khách hàng xây dựng	562.773.593	1.064.740.893
Các khách hàng mua hàng hoá	3.988.279.220	6.326.281.202
Các khách hàng khác	28.145.500	28.145.500
Cộng	24.306.478.625	24.211.861.375

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xí nghiệp khai thác đá - công trường 3	3.610.470	8.437.710
Xí nghiệp khai thác đá - công trường 5 (Soklu)	230.368.199	230.368.199
Bộ phận văn phòng	3.977.583.404	4.189.879.382
Cộng	4.211.562.073	4.428.685.291

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng tiền định mức tồn quỹ của các Xí nghiệp	350.000.000	380.000.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	-	24.758
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	204.058.910	88.626.183
Cho Bà Trương Thị Mỹ Lệ vay	200.000.000	300.000.000
Phải thu khác	614.241.466	422.022.492
Cộng	1.368.300.376	1.190.673.433

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	119.424.056
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	156.693.678	62.805.198
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	6.977.242.902	6.979.521.190
Cộng	7.133.936.580	7.161.750.444

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.161.750.444	7.051.383.885
Trích lập dự phòng bổ sung	-	110.366.559
Hoàn nhập	(27.813.864)	-
Số cuối năm	7.133.936.580	7.161.750.444

1.936
 C
 PÁCH
 ẾM T
 A
 PH/INH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	142.263.884.314	162.887.097.886
Công cụ, dụng cụ	7.550.000	6.434.020
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	369.020.600	473.617.242
Thành phẩm	22.875.718.667	86.110.852.107
Hàng hóa	2.709.634.441	2.633.125.145
Cộng	<u>168.225.808.022</u>	<u>252.111.126.400</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.371.314.570	3.683.405.541
Trích lập dự phòng bổ sung	-	7.687.909.029
Hoàn nhập	(7.401.573.803)	-
Số cuối năm	<u>3.969.740.767</u>	<u>11.371.314.570</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	153.300.000	354.310.900
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	13.249.148.301
Cộng	<u>153.300.000</u>	<u>13.603.459.201</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền đẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	64.619.173.792	341.033.463.104	74.370.892.692	6.099.491.469	840.040.498	486.963.061.555
Mua sắm mới	355.792.000	1.438.399.450	-	-	-	1.794.191.450
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	118.883.364	4.801.338.368	-	-	-	4.920.221.732
Thanh lý, nhượng bán	(1.068.707.599)	(8.899.798.165)	(1.380.274.818)	-	(193.378.106)	(11.542.158.688)
Tháo dỡ	(2.349.281.046)	(1.603.517.880)	-	(258.319.202)	(226.020.476)	(4.437.138.604)
Giảm do bàn giao cho Công ty khác	(547.887.173)	(317.056.389)	-	-	(286.201.916)	(1.151.145.478)
Giảm khác (*)	(8.743.119.311)	(947.546.998)	(10.000.000)	(1.101.384.316)	(19.440.000)	(10.821.490.625)
Số cuối năm	<u>52.384.854.027</u>	<u>335.505.281.490</u>	<u>72.980.617.874</u>	<u>4.739.787.951</u>	<u>115.000.000</u>	<u>465.725.541.342</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	618.474.662	45.395.764.378	18.123.400.579	745.586.545	115.000.000	64.998.226.164
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	31.890.630.360	201.634.422.145	53.646.291.966	3.229.991.225	796.575.021	291.197.910.717
Khấu hao trong năm	1.022.734.824	11.872.004.809	2.218.138.305	373.194.612	-	15.486.072.550
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	-	-	57.314.286	-	-	57.314.286
Thanh lý, nhượng bán	(637.923.682)	(6.414.591.668)	(1.332.275.670)	-	(193.378.106)	(8.578.169.126)
Tháo dỡ	(1.794.955.694)	(1.478.744.567)	-	(194.125.745)	(182.554.999)	(3.650.381.005)
Giảm do bàn giao cho Công ty khác	(411.749.815)	(317.056.389)	-	-	(286.201.916)	(1.015.008.120)
Giảm khác (*)	(8.109.791.529)	(679.127.658)	(10.000.000)	(1.071.259.164)	(19.440.000)	(9.889.618.351)
Số cuối năm	<u>21.958.944.464</u>	<u>204.616.906.672</u>	<u>54.579.468.887</u>	<u>2.337.800.928</u>	<u>115.000.000</u>	<u>283.608.120.951</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	32.728.543.432	139.399.040.959	20.724.600.726	2.869.500.244	43.465.477	195.765.150.838
Số cuối năm	30.425.909.563	130.888.374.818	18.401.148.987	2.401.987.023	-	182.117.420.391
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính sang chi phí trả trước ngắn hạn.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 252.449.324.502 VND và 118.415.141.490 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

Theo Công văn số 9178/UBND – KT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Công văn số 4585/UBND – KT ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Công ty được phép không trích chi phí khấu hao năm 2012 và năm 2013 của những tài sản cố định tăng thêm do đánh giá lại tại thời điểm 0^h ngày 01 tháng 7 năm 2011 trong năm 2012 theo đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai tại văn bản số 4156/STC-TCDN ngày 17 tháng 11 năm 2012.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	200.000.000	3.880.654.562	4.080.654.562
Giảm trong năm (*)	(200.000.000)	(3.880.654.562)	(4.080.654.562)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	200.000.000	3.880.654.562	4.080.654.562
Giảm trong năm (*)	(200.000.000)	(3.880.654.562)	(4.080.654.562)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

(*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính sang chi phí trả trước ngắn hạn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tài sản cố định trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang	-	118.883.364	(118.883.364)	-	-
Sửa chữa lớn, nâng cấp TSCĐ	278.404.310	6.956.849.884	(4.801.338.368)	(15.480.000)	2.418.435.826
Cộng	278.404.310	7.075.733.248	(4.920.221.732)	(15.480.000)	2.418.435.826

115-C5
TY
HỮU HẠ
TU VÀ
C
S CHỈ

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa	2.100	10.500.000	2.100	10.500.000
Đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị Tam Phước	200.000	20.000.000.000	200.000	20.000.000.000
Cộng		20.010.500.000		20.010.500.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí đền bù mỏ Thạnh Phú	50.893.220.199	207.750.000	(1.268.886.226)	49.832.083.973
Chi phí thuê mặt bằng ấp Ông Hường, xã Thiện Tân	120.000.000	-	(60.000.000)	60.000.000
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	7.133.885.514	710.564.000	(695.168.293)	7.149.281.221
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	51.198.433.665	4.535.366.500	(439.542.418)	55.294.257.747
Chi phí lập đề án thăm dò mỏ đá Đồi Chùa 1	46.842.589.961	-	-	46.842.589.961
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	16.358.564.811	1.821.600.865	(555.531.921)	17.624.633.755
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	1.801.974.982	477.272.728	-	2.279.247.710
Cộng	174.348.669.132	7.752.554.093	(3.019.128.858)	179.082.094.367

14. Tài sản dài hạn khác
Khoản ký quỹ dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.065.118.537	16.325.886.554
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	7.367.398.060	10.025.049.264
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	3.697.720.477	6.300.837.290
Vay ngắn hạn tổ chức và các cá nhân khác	71.000.000.000	100.000.000.000
- Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	70.000.000.000	100.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Tư ^(iv)	800.000.000	-
- Bà Huỳnh Huy Anh Thư ^(v)	200.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	-	11.869.200.000
Cộng	82.065.118.537	128.195.086.554

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là phương tiện vận tải, truyền dẫn.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng 3 chiếc xe xóc volvo và quyền khai thác mỏ đá Tân Cang tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- (iii) Khoản vay Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai để mua nguyên vật liệu.
- (iv) Khoản vay Bà Nguyễn Thị Tư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (v) Khoản vay Bà Huỳnh Huy Anh Thư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.325.886.554	28.699.333.812	-	(33.960.101.829)	11.065.118.537
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	100.000.000.000	-	1.000.000.000	(30.000.000.000)	71.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	11.869.200.000	-	-	(11.869.200.000)	-
Cộng	128.195.086.554	28.699.333.812	1.000.000.000	(75.829.301.829)	82.065.118.537

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xí nghiệp khai thác đá - công trường 1, 2	2.161.538.062	1.880.145.780
Xí nghiệp khai thác đá - công trường 3	43.599.981	61.424.813
Xí nghiệp khai thác đá - công trường 4	1.287.434.622	1.250.339.498
Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang	644.533.383	340.229.858
Xí nghiệp khai thác đá - công trường 5 (Soklu)	817.670.557	902.377.295
Bộ phận văn phòng	22.763.267.593	18.277.882.037
Cộng	27.718.044.198	22.712.399.281

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng mua đá	5.648.811.509	3.385.676.968
Khách hàng mua bê tông nhựa nóng	-	3.113.488
Khách hàng xây dựng	542.533.000	702.288.000
Khách hàng mua hàng hoá	1.081.125.659	703.845.533
Khách hàng khác	1.972.800	1.972.800
Cộng	7.274.442.968	4.796.896.789

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.083.632.753	31.648.712.318	(30.688.008.195)	4.044.336.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(149.558.152)	3.815.819.904	(2.353.327.219)	1.312.934.533
Thuế thu nhập cá nhân (*)	19.202.361	411.012.431	(950.110.233)	(519.895.441)
Thuế tài nguyên	2.955.537.147	28.243.859.673	(27.839.919.987)	3.359.476.833
Tiền thuê đất (*)	4.487.528.981	5.293.148.192	(11.070.212.232)	(1.289.535.059)
Các loại thuế khác (*)	-	194.542.948	(200.145.884)	(5.602.936)
Phí bảo vệ môi trường	1.385.541.100	13.412.997.450	(13.210.161.410)	1.588.377.140
Cộng	11.781.884.190	83.020.092.916	(86.311.885.160)	8.490.091.946

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước	05%
- Sản phẩm khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.255.279.617	4.328.270.649
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.000.000	673.496.740
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	15.263.279.617	5.001.767.389
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.815.819.904	1.250.441.848
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	468.603.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.815.819.904	1.719.045.260

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác với giá tính thuế và thuế suất như sau:

	<u>Giá tính thuế (VND/m³)</u>	<u>Thuế suất</u>
- Đất san lấp	21.000	4%
- Đất làm gạch	90.000	7%
- Nước sinh hoạt	3.000	3%
- Nước sản xuất	6.100	3%
- Đá các loại	125.000	6%

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất nộp theo đơn giá tạm tính của Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phí cấp quyền khai thác

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ tháng 7 năm 2011. Hiện tại, Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ đối với khoản tiền này vì các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã có văn bản kiến nghị gửi các cơ quan quản lý Nhà nước đề nghị xem xét không truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ tháng 7 năm 2011 đến 31 tháng 12 năm 2013 nhưng đến nay vẫn chưa có ý kiến trả lời chính thức.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Quỹ lương năm 2013 của Công ty được trích lập theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 áp dụng từ tháng 01 đến tháng 4: quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá là 23.799.019.864 đồng; Quỹ tiền lương thực hiện Viên chức quản lý là 778.791.325 đồng;
- Giai đoạn 2 áp dụng từ tháng 5 đến tháng 12:
 - Quỹ lương thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu với số tiền là 45.973.260.218 VND;
 - Quỹ lương viên chức quản lý thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu với số tiền 1.047.750.000 VND.

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	912.777.777
Chi phí trả thâm hụt	870.041.664	-
Chi phí khác	97.454.545	-
Cộng	<u>967.496.209</u>	<u>912.777.777</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tăng thêm do đánh giá lại tài sản cố định của các tài sản đã thanh lý, nhượng bán	4.554.461.075	-
Thuế thu nhập cá nhân	374.305.254	-
Các khoản phải trả khác	148.980.429	151.747.158
Cộng	<u>5.077.746.758</u>	<u>151.747.158</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Tăng/Giảm khác		
Quỹ khen thưởng	29.934.089.359	7.474.094.698	59.250.000	(15.872.750.000)	21.594.684.057
Quỹ phúc lợi	9.811.223.360	3.737.047.349	413.528.479	(1.590.566.380)	12.371.232.808
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	228.317.666	-	-	228.317.666
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	386.871.429	-	(57.314.286)	-	329.557.143
Cộng	40.132.184.148	11.439.459.713	415.464.193	(17.463.316.380)	34.523.791.674

23. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	-	8.059.300.000
Vay Bà Nguyễn Thị Tư	-	740.000.000
Vay cán bộ công nhân viên ⁽ⁱ⁾	3.296.345.310	19.246.784.460
Cộng	3.296.345.310	28.046.084.460

⁽ⁱ⁾ Khoản vay cán bộ công nhân viên theo lãi suất 1%/tháng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	-	11.869.200.000
Trên 01 năm đến 05 năm	3.296.345.310	28.046.084.460
Tổng nợ	3.296.345.310	39.915.284.460

Chi tiết số phát sinh các khoản vay và nợ dài hạn

	Số tiền vay		Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
	Số đầu năm	phát sinh trong năm			
Vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	8.059.300.000	-	(8.059.300.000)	-	-
Vay Bà Nguyễn Thị Tư	740.000.000	60.000.000	-	(800.000.000)	-
Vay Bà Huỳnh Huy Anh Thư	-	200.000.000	-	(200.000.000)	-
Vay cán bộ công nhân viên	19.246.784.460	1.373.426.903	(17.323.866.053)	-	3.296.345.310
Cộng	28.046.084.460	1.633.426.903	(25.383.166.053)	(1.000.000.000)	3.296.345.310

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	404.490.881.711	-	-	42.963.000.717	-	447.453.882.428
Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.818.009.101	-	(1.818.009.101)	-	-	-
Giảm vốn từ chênh lệch tăng đánh giá tại tài sản năm 2011	(40.054.340.803)	40.054.340.803	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.609.225.389	2.609.225.389
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.818.009.101	260.922.539	(2.609.225.389)	(530.293.749)
Số dư cuối năm trước	366.254.550.009	40.054.340.803	-	43.223.923.256	-	449.532.814.068
Số dư đầu năm nay	366.254.550.009	40.054.340.803	-	43.223.923.256	-	449.532.814.068
Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ quỹ dự phòng tài chính	745.449.991	-	-	(745.449.991)	-	-
Giảm chênh lệch tăng đánh giá tại tài sản do thanh lý	-	(4.690.598.433)	-	-	-	(4.690.598.433)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.439.459.713	11.439.459.713
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	(11.439.459.713)	(11.439.459.713)
Số dư cuối năm nay	367.000.000.000	35.363.742.370	-	42.478.473.265	-	444.842.215.635

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	522.947.400.498	570.100.036.756
- Doanh thu bán đất, đá	407.081.025.175	438.592.965.686
- Doanh thu bán cát	111.421.569	1.050.834.443
- Doanh thu xây dựng	828.693.854	3.462.512.728
- Doanh thu bán hàng hóa	89.891.876.999	93.479.714.359
- Doanh thu khác	25.034.382.901	33.514.009.540
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(121.374.627)	(80.614.476)
- Hàng bán bị trả lại	(121.374.627)	(80.614.476)
Doanh thu thuần	522.826.025.871	570.019.422.280
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán đất, đá	407.081.025.175	438.592.965.686
- Doanh thu thuần bán cát	111.421.569	1.050.834.443
- Doanh thu thuần xây dựng	828.693.854	3.462.512.728
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	89.770.502.372	93.399.099.883
- Doanh thu thuần khác	25.034.382.901	33.514.009.540

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán đất, đá	354.999.290.937	398.414.371.351
Giá vốn bán cát	48.557.765	500.074.164
Giá vốn xây dựng	828.693.854	3.462.512.728
Giá vốn bán hàng hóa	81.934.711.670	87.037.535.952
Giá vốn khác	21.771.457.745	26.916.725.905
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.401.573.803)	7.687.909.029
Cộng	<u>452.181.138.168</u>	<u>524.019.129.129</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	422.081.054	746.909.416
Cổ tức được chia	2.000.000.000	-
Lãi tiền cho vay	24.850.000	45.850.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	743.300
Cộng	<u>2.446.931.054</u>	<u>793.502.716</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.148.271.800	860.302.320
Chi phí nhân công	2.786.390.836	3.143.030.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.192.460	66.699.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.901.926.884	2.240.143.116
Chi phí khác	1.989.215.292	2.245.068.527
Cộng	<u>7.842.997.272</u>	<u>8.555.243.238</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.475.966.711	1.850.036.410
Chi phí nhân công	32.964.482.278	11.790.349.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.169.154	566.353.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.118.226.925	2.721.196.891
Chi phí khác	3.764.289.691	3.048.753.752
Cộng	<u>41.813.134.759</u>	<u>19.976.689.721</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.201.818.182	-
Thu tiền thưởng, hoa hồng	-	36.486.054
Thu bán phế liệu	635.980.594	218.317.631
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	4.215.404.928
Thu nhượng bán điện sinh hoạt	685.670.377	315.790.728
Hoàn nhập tiền thuê đất	741.895.822	6.534.132.050
Thu hồi nguyên vật liệu do tháo dỡ TSCĐ	338.877.939	-
Thu nhập khác	1.838.919.191	554.290.686
Cộng	<u>9.443.162.105</u>	<u>11.874.422.077</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	2.963.989.562	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22.790.000	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định do tháo dỡ	786.757.599	99.542.844
Xử lý kiểm kê	217.593.380	4.767.779
Phạt do vi phạm hành chính	8.000.000	12.350.000
Truy thu thuế	-	661.146.740
Chi phí khác	1.473.063.980	460.520.060
Cộng	<u>5.472.194.521</u>	<u>1.238.327.423</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.607.715.106	149.662.448.487
Chi phí nhân công	90.613.726.369	60.402.487.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.486.072.550	21.431.871.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.530.205.553	100.183.260.709
Chi phí khác	41.158.489.953	139.280.881.877
Cộng	<u>404.396.209.531</u>	<u>470.960.949.487</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban điều hành và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng thành viên		
Cho vay	71.832.848	140.772.745
Lãi vay	71.832.848	68.772.745

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng thành viên		
Cho vay	232.869.152	658.765.812
Cộng nợ phải trả	<u>232.869.152</u>	<u>658.765.812</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.345.842.661	1.277.579.718
Tiền thưởng	276.000.000	296.500.000
Cộng	<u>1.621.842.661</u>	<u>1.574.079.718</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai – Công ty mẹ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Công ty với Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vay	-	80.000.000.000
Tiền lãi	8.835.694.449	6.023.755.556

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay	70.000.000.000	100.000.000.000
Lãi vay	-	912.777.777
Cộng nợ phải trả	<u>70.000.000.000</u>	<u>100.912.777.777</u>

2. Thay đổi ước tính kế toán

Năm nay Công ty đã tăng thời gian khấu hao một số tài sản cố định hữu hình. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay giảm đi 6.211.113.276 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước. Ban Giám đốc cho rằng, việc thay đổi ước tính này là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Công ty thuê đất để khai thác khoáng sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.010.903.363	3.780.301.863
Trên 01 năm đến 05 năm	19.144.634.310	12.761.787.666
Trên 05 năm	19.606.006.855	20.941.552.458
Cộng	<u>39.761.544.528</u>	<u>37.483.641.987</u>

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.223.518.835	-	-	35.223.518.835
Phải thu khách hàng	10.232.630.671	7.018.258.213	7.055.589.741	24.306.478.625
Các khoản phải thu khác	901.825.438	-	302.416.028	1.204.241.466
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.010.500.000	-	-	20.010.500.000
Cộng	66.368.474.944	7.018.258.213	7.358.005.769	80.744.738.926
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.905.479.614	-	-	22.905.479.614
Phải thu khách hàng	15.708.040.811	1.674.246.804	6.829.573.760	24.211.861.375
Các khoản phải thu khác	833.606.464	-	308.416.028	1.142.022.492
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.010.500.000	-	-	20.010.500.000
Cộng	59.457.626.889	1.674.246.804	7.137.989.788	68.269.863.481

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	6.913.753.027	1.674.246.804
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	44.238.212	-
Quá hạn trên 03 năm	60.266.974	-
Cộng	7.018.258.213	1.674.246.804

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	85.521.834.857	3.696.301.874	89.218.136.731
Phải trả người bán	27.718.044.198	-	27.718.044.198
Các khoản phải trả khác	967.496.209	-	967.496.209
Cộng	114.207.375.264	3.696.301.874	117.903.677.138



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm			
Vay và nợ	138.513.499.565	37.717.400.655	176.230.900.220
Phải trả người bán	22.712.399.281	-	22.712.399.281
Các khoản phải trả khác	1.064.524.935	-	1.064.524.935
Cộng	162.290.423.781	37.717.400.655	200.007.824.436

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất theo thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thị trường của Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Số dư khoản vay có lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 85.361.463.847 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 156.241.171.014 VND).

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất thị trường đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HNH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.223.518.835	-	22.905.479.614	-	35.223.518.835	22.905.479.614
Phải thu khách hàng	24.306.478.625	(6.601.152.353)	24.211.861.375	(6.622.966.217)	17.705.326.272	17.588.895.158
Các khoản phải thu khác	1.204.241.466	(302.416.028)	1.142.022.492	(308.416.028)	901.825.438	833.606.464
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.010.500.000	-	20.010.500.000	-	20.010.500.000	20.010.500.000
Cộng	80.744.738.926	(6.903.568.381)	68.269.863.481	(6.931.382.245)	73.841.170.545	61.338.481.236

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	85.361.463.847	156.241.171.014	85.361.463.847
Phải trả người bán	27.718.044.198	22.712.399.281	27.718.044.198	22.712.399.281
Các khoản phải trả khác	967.496.209	1.064.524.935	967.496.209	1.064.524.935
Cộng	114.047.004.254	180.018.095.230	114.047.004.254	180.018.095.230

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

6. Thông tin khác

Thực hiện Quyết định số 4722/UBND-KT ngày 13 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Công ty đã tiến hành kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 7 năm 2011. Kết quả kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn đã được hạch toán vào sổ sách kế toán theo Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 7 năm 2011 với khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại là 40.054.340.803 VND.



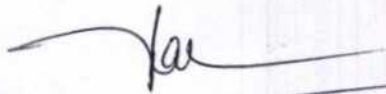
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã trích khấu hao tài sản cố định trong năm 2011 theo nguyên giá mới và từ năm 2012 trích khấu hao theo nguyên giá cũ. Các tài sản cố định thanh lý, nhượng bán cũng được hạch toán theo nguyên giá đã được đánh giá lại và khoản chênh lệch tăng thêm do đánh giá lại của các tài sản cố định đã thanh lý, nhượng bán được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải trả khác" với số tiền là 4.554.461.075 VND (xem thuyết minh V.21).



Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 08 tháng 5 năm 2014

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

